

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	5
3. Báo cáo tài chính đã được soát xét:	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỠ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An (dưới đây được gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung:

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An (sau đây gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 12 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 01 năm 2006, lần thứ 2 ngày 12 tháng 01 năm 2007, lần thứ 3 ngày 16 tháng 6 năm 2008 và lần thứ 4 số ngày 09 tháng 7 năm 2008.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên:

- Ông Lê Minh Châu
- Ông Ngô Trường Kỳ
- Ông Nguyễn Văn Ngọc
- Ông Nguyễn Sỹ Thụy
- Bà Lê Thị Xuyên

Chức vụ:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ủy viên Hội đồng quản trị

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên:

- Ông Trần Văn Đá
- Ông Đặng Quốc Cường
- Bà Lê Thị Xuyên
- Ông Phan Huy Tâm

Chức vụ:

- Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng

3. Trụ sở:

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ 13, ấp Bình Giao, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc sau:

- + Chi nhánh 2 có trụ sở tại ấp III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Bình Phước.

4. Hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 là sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ cao su và gỗ khác; mua bán kinh doanh sản phẩm gỗ và các vật tư, thiết bị có liên quan. Ngoài ra Công ty không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi chức năng hoạt động được cho phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/6/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 như sau:

	Đơn vị: VND
- Doanh thu thuần	116.050.598.091
- Lãi sau thuế	5.367.594.221

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ:

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán:

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

9. Ý kiến của Ban Giám đốc:

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009.

Bình Dương, ngày 29 tháng 7 năm 2009

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Đá

Số: /2009/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày tháng năm 2009

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNKỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày
30/6/2009

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	01/01/2009
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119,467,860,913	103,039,339,055
I.	Tiền và tương đương tiền	110		2,817,118,415	12,933,069,911
1.	Tiền	111	V.1	2,817,118,415	12,933,069,911
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33,995,965,000	2,904,251,092
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	33,995,965,000	2,904,251,092
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20,253,652,965	25,055,679,481
1.	Phải thu của khách hàng	131		10,951,023,583	16,291,511,504
2.	Trả trước người bán	132		7,650,953,209	6,539,145,153
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	1,956,646,961	2,529,993,612
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-304,970,788	-304,970,788
IV.	Hàng tồn kho	140		61,559,234,629	58,887,467,931
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	61,963,171,919	59,291,405,221
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-403,937,290	-403,937,290
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		841,889,904	3,258,870,640
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		388,789,260	275,322,170
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		126,834,656	2,767,934,279
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		326,265,988	215,614,191
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87,996,565,879	90,505,815,791
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II	Tài sản cố định	220		79,714,453,860	82,816,530,518
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	79,304,704,800	82,329,281,458
	- Nguyên giá	222		119,552,628,517	117,795,853,372
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-40,247,923,717	-35,466,571,914
4.	Chi phí XDCB dở dang	230	V.11	409,749,060	487,249,060
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	7,500,000,000	7,200,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7,500,000,000	7,200,000,000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		782,112,019	489,285,273
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	782,112,019	489,285,273
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207,464,426,792	193,545,154,846

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày
30/6/2009

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	01/01/2009
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		51,744,620,287	37,099,842,561
I.	Nợ ngắn hạn	310		51,728,100,111	37,070,844,842
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	9,876,500,000	0
2.	Phải trả người bán	312		21,308,897,449	9,336,348,368
3.	Người mua trả tiền trước	313		9,363,667,939	18,432,456,941
4.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,529,800,725	189,131,494
5.	Phải trả người lao động	315		657,510,349	2,750,255,581
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	109,780,190	50,000,000
9.	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	8,881,943,459	6,312,652,458
II.	Nợ dài hạn	320		16,520,176	28,997,719
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		16,520,176	28,997,719
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155,719,806,505	156,445,312,285
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	152,551,584,226	153,594,260,297
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		104,000,000,000	104,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		41,982,000,000	41,982,000,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-4,367,674,414	-4,367,674,414
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2,625,235,883	2,014,733,950
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		2,944,428,537	2,333,926,604
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5,367,594,220	7,631,274,157
II.	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3,168,222,279	2,851,051,988
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3,168,222,279	2,851,051,988
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207,464,426,792	193,545,154,846

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1,638,515	804,195.82
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 29 tháng 7 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG**GIÁM ĐỐC****Phan Huy Tâm****Trần Văn Đá**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày

30/6/2009

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	116,050,589,091	69,248,323,179
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	-	3,299,631,954
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	116,050,589,091	65,948,691,225
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	105,455,608,172	61,070,604,427
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,594,980,919	4,878,086,798
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1,372,077,893	3,787,708,069
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	24		1,269,099,214	1,612,312,790
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,109,824,878	2,992,219,602
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,588,134,720	4,061,262,475
11.	Thu nhập khác	31		161,636,888	95,042,819
12.	Chi phí khác	32		11,278,831	656,121,496
13.	Lợi nhuận khác	40		150,358,057	(561,078,677)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,738,492,777	3,500,183,798
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1,370,898,556	391,998,233
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,367,594,221	3,108,185,565
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.34	530	299

Lập ngày 29 tháng 7 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG**GIÁM ĐỐC**

Phan Huy Tâm

Trần Văn Đá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
I -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	125,017,633,875	39,188,293,678
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(87,785,640,089)	(37,028,573,058)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(12,398,098,895)	(4,315,200,825)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5.	Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(334,726,375)	(391,998,233)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4,687,485,239	1,048,703,307
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14,276,210,455)	(2,249,566,049)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	14,910,443,300	(3,748,341,180)
II -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(228,309,955)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(48,277,250,000)	(38,241,070,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17,185,536,092	45,348,819,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(300,000,000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	293,682,367	548,571,423
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(31,326,341,496)	7,656,320,423
III -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2,546,575,302)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9,876,500,000	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3,576,553,300)	(3,413,276,500)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	6,299,946,700	(5,959,851,802)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10,115,951,496)	(2,051,872,559)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12,933,069,911	4,702,359,404
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2,817,118,415	2,650,486,845

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An (sau đây gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 12 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 01 năm 2006, lần thứ 2 ngày 12 tháng 01 năm 2007, lần thứ 3 ngày 16 tháng 6 năm 2008 và lần thứ 4 số ngày 09 tháng 7 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 104.000.000.000 VND, trong đó:

Tổng số cổ phần đã phát hành là 10.040.000 cổ phần, tương ứng với 10.040.000 cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác, sơ chế, sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ;
- Cưa xẻ gỗ thành ván;
- Bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật, dân dụng;
- Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng;
- Mua bán gỗ và đồ gỗ các loại;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Mua bán mũ cao su;

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Quốc lộ 13, ấp Bình Giao, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đến ngày 30/6/2009, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 845 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 59 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển, các tài khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu
Công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Giá trị nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường
- Thành phẩm: Giá bình quân gia quyền

Dự phòng hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 22
Máy móc thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị khác	03 – 05

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Giá trị của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá gốc của từng loại đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được xác lập trên cơ sở đánh giá về khả năng và mức độ tổn thất khi xảy ra giảm giá đối với từng loại đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Các khoản chi phí đi vay được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nếu không đủ điều kiện được vốn hoá theo quy định.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Ngoài ra, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước của công ty bao gồm chủ yếu là chi phí thiết lập trang website của Công ty, chi phí thiết lập hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) như công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm kể từ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị chi phí đã tính trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính của Công ty nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí tiền điện, nước, chi phí xuất khẩu...

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị doanh nghiệp được đánh giá khi cổ phần hoá. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia từ việc góp vốn liên doanh, thu nhập từ chuyển nhượng vốn cổ phần và lãi chênh lệch tỷ giá.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

Khoản phải thu:

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến có thể bị tổn thất do các khoản phải thu chưa được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ thuế như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế suất sau:

- Hàng tiêu thụ nội địa chịu các mức thuế suất: 5% đối với phế liệu thu hồi trên lô; 10% đối với sản phẩm sơ chế, tinh chế và phế liệu tận thu tại xưởng.
- Hàng xuất khẩu chịu thuế suất 0%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 43/CN – UB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương (thay thế Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số: 30/CN- UB ngày 22 tháng 3 năm 2002 của UBND tỉnh Bình Dương), Công ty được ưu đãi thuế như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 là 20% trên lợi nhuận thu được (điều chỉnh theo Điều 35 nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ).
- Công ty miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (điều chỉnh theo Công văn hướng dẫn số 3568 CT/TT&HT ngày 7 tháng 6 năm 2005 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương).

Năm tài chính 2002 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi, năm tài chính 2008 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tạo thành tài sản cố định để thực hiện dự án đầu tư.

Các khoản khác biệt về thuế và các ưu đãi đầu tư khác sau khi Cơ quan thuế kiểm tra và kết luận sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền:

	Đơn vị: VND	
	<u>30/6/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Tiền mặt tại quỹ	684.674.208	257.608.695
- Tiền gửi ngân hàng	2.132.444.207	12.675.461.216
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>2.817.118.415</u>	<u>12.933.069.911</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	Đơn vị: VND	
	<u>30/6/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác	33.995.965.000	2.904.251.092
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>33.995.965.000</u>	<u>2.904.251.092</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Đơn vị: VND	
	<u>30/6/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	-	-
- Lãi thu từ góp vốn liên doanh	-	-
- Phải thu người lao động	13.934.450	-
- Phải thu khác	1.942.712.511	2.529.993.612
Cộng	<u>1.956.646.961</u>	<u>2.529.993.612</u>

4. Hàng tồn kho:

	Đơn vị: VND	
	<u>30/6/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Hàng mua đang đi đường	5.935.442.335	10.980.074.359
- Nguyên liệu, vật liệu	6.674.247.884	4.269.987.972
- Công cụ, dụng cụ	138.002.857	52.285.774
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.745.168.519	24.040.657.895
- Thành phẩm	22.470.310.324	19.140.708.997
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi bán	-	807.690.224
Cộng	<u>61.963.171.919</u>	<u>59.291.405.221</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, Vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	Đơn vị: VND <i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	60.066.939.306	40.788.018.809	14.993.822.132	1.947.073.125	-	117.795.853.372
- Mua trong kỳ	-	585.090.560	450.829.638	-	-	1.035.920.198
- Đầu tư XDCB hoàn thành	720.854.947	-	-	-	-	720.854.947
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	60.787.794.253	41.373.109.369	15.444.651.770	1.947.073.125	-	119.552.628.517
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Số dư đầu kỳ	15.250.270.287	16.528.570.307	2.261.764.274	1.425.967.046	-	35.466.571.914
- Khấu hao trong kỳ	1.896.774.645	2.287.718.074	559.391.304	37.467.780	-	4.781.351.803
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	17.147.044.932	18.816.288.381	2.821.155.578	1.463.434.826	-	40.247.923.717
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	44.816.669.019	24.259.448.502	12.732.057.858	521.106.079	-	82.329.281.458
Tại ngày cuối kỳ	43.640.749.321	22.556.820.988	12.623.496.192	483.638.299	-	79.304.704.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<u>30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2009</u>
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:	409.749.060	487.249.060
Trong đó:		
+ Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	409.749.060	409.749.060
+ Chi phí xây lắp	-	-
+ Máy móc thiết bị	-	-
+ Chi phí khác	-	77.500.000

13. Đầu tư dài hạn khác:

	<u>30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2009</u>
- Đầu tư cổ phiếu	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	7.500.000.000	7.200.000.000
+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	7.500.000.000	7.200.000.000
Cộng	<u>7.500.000.000</u>	<u>7.200.000.000</u>

14. Chi phí trả trước dài hạn:

	<u>30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2009</u>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	332.189.012	24.096.334
- Công cụ dụng cụ	449.923.007	465.188.939
Cộng	<u>782.112.019</u>	<u>489.285.273</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn:

	<u>30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2009</u>
- Vay ngắn hạn	9.876.500.000	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>9.876.500.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	30/6/2009	Đơn vị: VND 01/01/2009
- Thuế giá trị gia tăng	322.033.335	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	4.176.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.183.084.077	146.911.896
- Thuế thu nhập cá nhân	20.507.313	27.719.598
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	14.500.000
Cộng	1.529.800.725	189.131.494

17. Chi phí phải trả:

	30/6/2009	Đơn vị: VND 01/01/2009
- Trích trước chi phí hàng xuất khẩu	109.780.190	50.000.000
Cộng	109.780.190	50.000.000

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	30/6/2009	Đơn vị: VND 01/01/2009
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	108.477.789
- Bảo hiểm xã hội, y tế	168.914.878	72.665.948
- Kinh phí công đoàn	167.880.135	77.806.975
- Phải trả khác	8.545.148.446	6.053.701.746
Cộng	8.881.943.459	6.312.652.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

22. Vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	84.077.500.000	10.153.995.000	-	1.225.751.593	1.591.514.247	8.122.047.132	105.170.807.972
- Tăng vốn trong năm trước	19.922.500.000	31.828.005.000	-	-	-	-	51.750.505.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.631.274.157	7.631.274.157
- Tăng khác	-	-	(4.367.674.414)	788.982.357	742.412.357	-	(2.836.279.700)
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2007	-	-	-	-	-	(5.153.430.000)	(5.153.430.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(2.968.617.132)	(2.968.617.132)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	104.000.000.000	41.982.000.000	(4.367.674.414)	2.014.733.950	2.333.926.604	7.631.274.157	153.594.260.297
- Tăng vốn trong kỳ nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ nay	-	-	-	-	-	5.367.594.221	5.367.594.221
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ nay	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức 2008	-	-	-	-	-	(6.078.000.000)	(6.078.000.000)
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	610.501.933	610.501.933	(1.553.274.158)	(332.270.292)
Số dư cuối kỳ này	104.000.000.000	41.982.000.000	(4.367.674.414)	2.625.235.883	2.944.428.537	5.367.594.220	152.551.584.226

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2009</u>
- Vốn góp của các cổ đông	101.300.000.000	101.300.000.000
- Cổ phiếu quỹ (i)	<u>2.700.000.000</u>	<u>2.700.000.000</u>
Cộng	<u>104.000.000.000</u>	<u>104.000.000.000</u>

(i): Số lượng cổ phiếu quỹ: 270.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu quỹ: 10.000 VND/1 cổ phiếu

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>Năm 2008</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	104.000.000.000	84.077.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	19.922.500.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	104.000.000.000	104.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.078.000.000	5.153.430.000

d. Cổ phiếu:

	<u>30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2009</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	10.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.400.000	10.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.400.000	10.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	270.000	270.000
+ Cổ phiếu phổ thông	270.000	270.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/1 cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	<u>30/6/2009</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2009</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.625.235.883	2.014.733.950
- Quỹ dự phòng tài chính	2.944.428.537	2.333.926.604
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	<u>5.569.664.420</u>	<u>4.348.660.554</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.050.589.091	69.248.323.179
- Doanh thu bán hàng	116.050.589.091	69.248.323.179
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-

26. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	3.299.631.954
- Hàng bán bị trả lại	-	3.299.631.954

27. Doanh thu thuần:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	116.050.589.091	65.948.691.225
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	116.050.589.091	65.948.691.225
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
- Giá vốn thành phẩm đã bán	105.455.608.172	61.070.604.427
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	105.455.608.172	61.070.604.427

29. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	293.682.367	1.066.794.407
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	563.746.787
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.078.395.526	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.157.166.875
Cộng	1.372.077.893	3.787.708.069

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	
- Tổng lợi nhuận trước thuế	6.738.492.777	
- Các khoản tăng lợi nhuận tính thuế	116.000.000	
- Các khoản giảm lợi nhuận tính thuế	-	
- Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.854.492.777	
- Thuế suất thuế TNDN	20%	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.370.898.556	

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.463.022.579	64.648.362.121
- Chi phí nhân công	13.811.586.892	8.185.539.426
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.781.351.804	5.231.161.303
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.249.912.657	1.530.700.384
- Chi phí khác bằng tiền	19.562.770.284	3.292.552.006
Cộng	116.868.644.215	82.888.315.240

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Đơn vị: VND	
	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.367.594.221	3.108.185.565
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.367.594.221	3.108.185.565
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.130.000	10.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	530	299

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

5. Thông tin so sánh:

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập ngày 29 tháng 7 năm 2009

GIÁM ĐỐC

Phan Huy Tâm

Trần Văn Đá